



# **HAGL Group**



## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý I năm 2013

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 38

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 31 tháng 3 năm 2013

B01a-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>15.234.297.809</b>	<b>14.309.403.742</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>2.444.249.100</b>	<b>2.518.419.171</b>
111	1. Tiền	4	1.673.601.656	2.194.323.765
112	2. Các khoản tương đương tiền		770.647.444	324.095.406
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>150.378.106</b>	<b>150.378.106</b>
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	5	150.378.106	150.378.106
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.741.173.082</b>	<b>6.982.249.406</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	2.799.706.856	2.536.387.793
132	2. Trả trước cho người bán	7	3.074.252.195	3.093.883.253
135	3. Các khoản phải thu khác	8	1.867.961.360	1.354.726.410
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(747.329)	(2.748.050)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>4.470.914.824</b>	<b>4.265.374.475</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	4.470.968.308	4.265.427.959
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(53.484)	(53.484)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>427.582.697</b>	<b>392.982.584</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		82.107.654	79.458.594
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		63.266.985	79.079.104
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.688.857	1.948.988
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	278.519.201	232.495.898
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>17.515.218.907</b>	<b>16.975.423.677</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>13.834.955.536</b>	<b>13.051.403.085</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.448.388.731	2.907.046.483
222	Nguyên giá		5.953.095.801	3.331.218.473
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(504.707.070)	(424.171.990)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	12.739.246	13.652.261
225	Nguyên giá		21.273.991	21.273.991
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.534.745)	(7.621.730)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	146.359.147	180.126.133
228	Nguyên giá		151.264.585	185.518.415
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.905.438)	(5.392.282)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	8.227.468.412	9.950.578.208
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.783.879.353</b>	<b>3.054.499.013</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	211.930.887	211.930.887
258	2. Đầu tư dài hạn khác	16	2.571.948.466	2.842.568.126
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>616.412.309</b>	<b>581.286.912</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	371.419.909	371.294.803
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.2	236.713.927	200.119.804
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.278.473	9.872.305
<b>269</b>	<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	3.11	<b>279.971.709</b>	<b>288.234.667</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>32.749.516.716</b>	<b>31.284.827.419</b>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai  
 Trụ sở: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
 Văn phòng: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

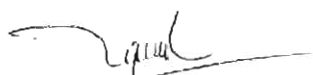
# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 3 năm 2013

B01a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>21.731.492.395</b>	<b>20.461.252.831</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.849.657.135</b>	<b>6.724.316.152</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	3.446.230.168	2.517.411.756
312	2. Phải trả người bán	19	615.552.482	695.516.850
313	3. Người mua trả tiền trước	20	1.953.734.063	1.766.346.329
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	482.436.133	557.797.665
315	5. Phải trả người lao động		53.201.089	53.944.944
316	6. Chi phí phải trả	22	873.027.450	724.197.822
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	392.339.371	375.964.407
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		33.136.379	33.136.379
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.881.835.260</b>	<b>13.736.936.679</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	24	15.288.863	10.450.410
334	2. Vay và nợ dài hạn	25	13.754.159.614	13.614.099.486
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.2	112.386.783	112.386.783
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.962.345.259</b>	<b>9.753.290.246</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	26	<b>9.962.345.259</b>	<b>9.753.290.246</b>
411	1. Vốn cổ phần		5.373.710.490	5.373.710.490
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	2.880.972.568
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		282.394.310	158.975.136
417	4. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		223.672.692	223.672.692
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.582.938.540	1.497.302.701
422	7. Phụ trội hợp nhất công ty con		(389.966.078)	(389.966.078)
<b>500</b>	<b>C. LỢI ÍCH CÒ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>1.055.679.062</b>	<b>1.070.284.342</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>32.749.516.716</b>	<b>31.284.827.419</b>



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2013

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	722.302.363	871.360.171	722.302.363	871.360.171
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(516.905)	(979.244)	(516.905)	(979.244)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	721.785.458	870.380.927	721.785.458	870.380.927
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(382.277.420)	(618.569.267)	(382.277.420)	(618.569.267)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		339.508.038	251.811.660	339.508.038	251.811.660
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	62.948.986	89.550.047	62.948.986	89.550.047
22	7. Chi phí tài chính	29	(160.278.611)	(139.994.667)	(160.278.611)	(139.994.667)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(126.622.700)	(121.837.702)	(126.622.700)	(121.837.702)
24	8. Chi phí bán hàng		(46.398.276)	(32.647.215)	(46.398.276)	(32.647.215)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(67.166.277)	(49.013.239)	(67.166.277)	(49.013.239)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		128.613.860	119.706.586	128.613.860	119.706.586
31	11. Thu nhập khác	30	16.302.303	23.668.027	16.302.303	23.668.027
32	12. Chi phí khác	30	(37.455.737)	(44.748.328)	(37.455.737)	(44.748.328)
40	13. Lỗ khác	30	(21.153.434)	(21.080.301)	(21.153.434)	(21.080.301)

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B02a-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		107.460.426	98.626.285	107.460.426	98.626.285
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(20.969.851)	(62.204.463)	(20.969.851)	(62.204.463)
52	16. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	31.2	36.594.123	40.395.809	36.594.123	40.395.809
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		123.084.698	76.817.631	123.084.698	76.817.631
	Phân bổ cho:					
	17.1 Lợi ích của các cổ đông thiểu số		37.393.359	(1.672.978)	37.393.359	(1.672.978)
	17.2 Lợi nhuận thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		85.691.339	78.490.609	85.691.339	78.490.609
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)		159	168	159	168



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sơ  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý I năm 2013

B03a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>107.460.426</b>	<b>98.626.285</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12,13	83.766.472	40.500.470
03	Các khoản dự phòng		(2.000.721)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(62.928.431)	(89.191.186)
06	Chi phí lãi vay	29	126.622.700	121.837.702
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>252.920.446</b>	<b>171.773.271</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(384.827.186)	(120.080.297)
10	Tăng hàng tồn kho		(258.606.789)	(258.251.319)
11	Tăng các khoản phải trả		326.953.173	232.639.533
12	Tăng chi phí trả trước		(2.774.166)	(56.419.166)
13	Tiền lãi vay đã trả		(94.852.084)	(85.435.996)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(36.243.000)	(151.533.021)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.242.141)	(28.880.070)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>(208.671.747)</b>	<b>(296.187.065)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.241.687.566)	(1.568.510.387)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	13.926.597
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(29.404.914)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		300.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.825.945	73.830.812
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(957.266.535)</b>	<b>(1.480.752.978)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Nhận vốn góp của cổ đông thiểu số		1.067.801	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.082.274.934	1.947.061.313
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(989.691.409)	(1.378.301.139)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số của công ty con		(1.883.115)	(870.311)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.091.768.211</b>	<b>567.889.863</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý I năm 2013

B03a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(74.170.071)	(1.209.050.180)
60	Tiền đầu kỳ		2.518.419.171	2.896.456.731
70	Tiền cuối kỳ	4	2.444.249.100	1.687.406.551



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
 Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013



## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi (20) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2013, Công ty có 52 công ty con và 3 công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính hợp nhất (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 52 công ty con và 3 công ty liên kết).

Hoạt động chính của Tập đoàn là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía và cọ dầu, xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký Chung.

### 2.3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý I năm 2013 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013.

## 2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.4. Đơn vị tiền tệ kế toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam.

### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con được lập cho Quý I năm 2013

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Các báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1. Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí lãi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng căn hộ được trình bày trong mục "Đầu tư dài hạn khác" theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, đền bù giải tỏa và san lấp mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí thanh lý ước tính.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Hoàng Anh Gia Lai

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6. Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

Hàng Việt Nam

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây, công trình thủy điện, khai thác mỏ và chi phí triển khai phần mềm tin học của Tập đoàn mà các dự án này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, mía và cây cọ dầu như chi phí khảo sát, đèn bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

*Công trình thủy điện*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đèn bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác

*Khai thác mỏ*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thăm dò khoáng sản như chi phí đèn bù giải tỏa đất, chi phí khai hoang.

*Chi phí triển khai phần mềm tin học*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc triển khai phần mềm tin học như phí bản quyền phần mềm, chi phí cài đặt và chi phí đào tạo.

**3.8. Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9. Chi phí đi vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là chi phí phát hành trái phiếu, công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn trái phiếu; và
- ▶ Công cụ dụng cụ và chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo, quảng cáo) được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông thiểu số của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông thiểu số được ghi nhận là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.



### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11. *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

#### 3.12. *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### 3.13. *Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.14. *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15. Trích trước trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

**3.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế ở tài khoản vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong các kỳ đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được kết chuyển sang tài khoản chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ để phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian là 5 năm.

Tài sản và nợ phải trả của cơ sở ở nước ngoài được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ. Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được thanh lý.

**3.18. Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:



**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18. Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)**

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

**3.19. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ kế toán khi các chi phí này đã phát sinh.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

**3.20. Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20. Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Tiền gửi ngân hàng	2.424.487.797	2.507.983.574
Tiền mặt tại quỹ	19.671.669	10.362.121
Tiền đang chuyển	89.634	73.476
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.444.249.100</u></b>	<b><u>2.518.419.171</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giá trị còn lại của:		
Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt (*)	81.783.240	81.783.240
Công ty con nắm giữ để bán (**)	68.594.866	68.594.866
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>150.378.106</b>	<b>150.378.106</b>

(\*) Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành.

(\*\*) Ban Giám đốc quyết định thanh lý hai công ty con gồm Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Ban Mê ("HABM") và Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Thanh Hóa ("HATH") và trình bày giá trị còn lại của HABM và HATH lần lượt là 48.310.126 ngàn VNĐ và 20.284.740 ngàn VNĐ trên tài khoản đầu tư ngắn hạn khác.

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu tiền bán căn hộ	1.176.070.747	1.406.112.042
Phải thu từ hợp đồng xây dựng	675.156.676	788.038.634
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	948.479.433	342.237.117
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.799.706.856</b>	<b>2.536.387.793</b>

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc, thiết bị	2.237.102.444	2.201.033.594
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	478.104.970	459.955.832
Trả trước cho việc mua quyền sử dụng đất và các dự án bất động sản	359.044.781	432.893.827
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.074.252.195</b>	<b>3.093.883.253</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Khoản cho các công ty khác vay	1.352.583.708	816.125.370
Phải thu từ dự án Thanh Bình	158.265.300	158.265.300
Phải thu nhân viên	95.419.618	107.575.098
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	15.979.274	15.979.275
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	24.372.083	17.219.000
Cho vay ngắn hạn nhân viên	94.283.050	82.975.489
Các khoản khác	127.058.327	156.586.878
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.867.961.360</b>	<b>1.354.726.410</b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	2.976.716.002	2.903.942.225
Đất thổ cư dự án Minh Tuấn	592.288.604	583.076.481
Thành phẩm	111.413.004	91.035.980
Hàng hóa	122.974.989	27.049.012
Hàng mua đang đi trên đường	4.227	4.227
Hàng gửi bán	1.994.837	1.115.331
Sản phẩm dở dang	262.989.807	231.468.300
<i>Trong đó:</i>		
<i>Sản xuất</i>	159.089.751	117.642.312
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	101.795.106	110.435.703
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	2.104.950	3.390.285
Nguyên vật liệu	368.589.313	397.288.182
Vật liệu xây dựng	20.069.683	13.400.320
Công cụ, dụng cụ	13.927.842	17.047.901
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.470.968.308</b>	<b>4.265.427.959</b>

## 10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh	277.058.292	230.089.464
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	262.041
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.460.909	2.144.393
<b>Tổng cộng</b>	<b>278.519.201</b>	<b>232.495.898</b>



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.620.536.287	1.180.912.033	299.589.954	14.313.756	108.956.294	106.910.149	3.331.218.473
Tăng trong kỳ	1.001.804.188	1.437.434.873	81.099.490	760.052	1.591.351	111.058.104	2.633.748.058
<i>Mua sắm mới</i>	15.028.061	21.093.441	9.353.668	739.463	11.095	124.771	46.350.499
<i>Xây dựng mới</i>	982.409.412	1.405.408.844	57.614.516	-	-	108.030.795	2.553.463.567
<i>Phân loại lại</i>	-	9.154.463	12.564.231	-	19.067	1.397.127	23.134.888
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	4.336.715	1.778.125	1.567.075	20.589	1.561.189	1.505.411	10.779.104
Giảm trong kỳ	(3.000)	(1.941.452)	(8.458.730)	(16.064)	-	(1.451.484)	(11.870.730)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(304.871)	(37.103)	-	-	-	(341.974)
<i>Điều chỉnh khác</i>	(3.000)	(1.636.581)	(8.421.627)	(16.064)	-	(1.451.484)	(11.528.756)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	2.622.337.475	2.616.405.454	372.230.714	15.057.744	110.547.645	216.516.769	5.953.095.801
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	(118.298.932)	(200.594.667)	(81.187.225)	(7.837.048)	(3.970.328)	(12.283.790)	(424.171.990)
Tăng trong kỳ	(30.224.523)	(57.148.547)	(9.342.271)	(887.825)	(918.545)	(6.628.607)	(105.150.318)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(30.035.190)	(56.978.307)	(8.916.193)	(881.272)	(889.272)	(6.554.463)	(104.254.697)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(189.333)	(170.240)	(426.078)	(6.553)	(29.273)	(74.144)	(895.621)
Giảm trong kỳ	-	9.353.084	13.990.380	2.519	-	1.269.255	24.615.238
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	79.393	6.240	-	-	-	85.633
<i>Phân loại lại</i>	-	8.986.463	12.435.916	-	-	1.269.255	22.691.634
<i>Điều chỉnh khác</i>	-	287.228	1.548.224	2.519	-	-	1.837.971
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	(148.523.455)	(248.390.130)	(76.539.116)	(8.722.354)	(4.888.873)	(17.643.142)	(504.707.070)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.502.237.355	980.317.366	218.402.729	6.476.708	104.985.966	94.626.359	2.907.046.483
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	2.473.814.020	2.368.015.324	295.691.598	6.335.390	105.658.772	198.873.627	5.448.388.731

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.970.000	15.303.991	21.273.991
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	5.970.000	15.303.991	21.273.991
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	(2.035.415)	(5.586.315)	(7.621.730)
Tăng trong kỳ	(271.251)	(641.764)	(913.015)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	(2.306.666)	(6.228.079)	(8.534.745)
<b>Giá trị thuần</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.934.585	9.717.676	13.652.261
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	3.663.334	9.075.912	12.739.246

## 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	176.422.887	9.095.528	185.518.415
Tăng trong kỳ	213.843	140.000	353.843
Phân loại lại	(34.607.673)	-	(34.607.673)
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	142.029.057	9.235.528	151.264.585
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	(2.566.450)	(2.825.832)	(5.392.282)
Tăng trong kỳ	(91.579)	(217.561)	(309.140)
Phân loại lại	795.984	-	795.984
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	(1.862.045)	(3.043.393)	(4.905.438)
<b>Giá trị thuần</b>			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	173.856.437	6.269.696	180.126.133
Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013	140.167.012	6.192.135	146.359.147

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí trồng cây cao su	4.983.537.693	4.537.710.906
Nhà máy thủy điện	1.685.289.492	2.408.631.295
Nhà máy mía đường và nhiệt điện	-	1.409.276.938
Văn phòng cho thuê	820.030.422	791.067.695
Thiết bị hạ tầng ngành khoáng sản	228.475.408	219.154.090
Chi phí trồng mía	137.945.762	172.512.176
Nhà xưởng, nhà văn phòng và nông trường	131.360.853	183.862.540
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	125.821.083	121.929.088
Các công trình khác	115.007.699	106.433.480
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.227.468.412</b>	<b>9.950.578.208</b>

## 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

### 15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con mà Công ty có quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp tại ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Bất động sản</b>				
(1) Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	04/06/2007	99,41
(2) Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	15/01/2007	93,45
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	29/03/2007	88,47
(4) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	22/06/2007	90,66
(5) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	24/10/2007	50,70
(6) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Phúc Bảo Minh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	04/10/2008	98,99
(7) Công ty TNHH Minh Thành	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	28/11/2008	52,16
(8) Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh - Incomex	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	2007	79,53
(9) Công ty TNHH An Tiến	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	10/01/2008	87,23
(10) Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	20/12/2010	99,41
(11) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Trước hoạt động	2009 (i)	46,72



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Bất động sản (tiếp theo)</b>				
(12) Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Nam	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	02/04/2010	99,31
(13) Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	9/2010	99,41
(14) Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	30/05/2007	50,70
(15) Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viễn Đông	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	03/10/2009	72,37
(16) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	31/10/2012	69,59
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	Myanmar	Trước hoạt động	21/02/2013	99,41
<b>Năng lượng</b>				
(18) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/06/2007	93,20
(19) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	Đang hoạt động	18/10/2007	86,09
(20) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đắk Bla	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Trước hoạt động	30/05/2007	91,33
(21) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tôna	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	22/06/2010	88,54
(22) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	18/07/2011	93,20
<b>Trồng cây công nghiệp</b>				
(23) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/05/2010	91,17
(24) Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	09/09/2008	91,02
(25) Công ty Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	22/05/2008	91,17
(26) Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	01/02/2007	58,95
(27) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/09/2007	91,15
(28) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	17/02/2011	91,17
(29) Công ty TNHH Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/01/2007	58,95
(30) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	16/07/2010	91,17
(31) Công ty TNHH Heng Brothers	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	25/01/2010	91,17
(32) Công ty TNHH CRD	Phnom Penh, Cambodia	Trước hoạt động	15/12/2010	91,17

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Trồng cây công nghiệp</b>				
(33) Công ty Cổ phần Tân Đại Thắng Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	27/11/2010	77,48
(34) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/01/2010	74,74
(35) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động	26/01/2011	72,94
(36) Công ty TNHH Rattanakiri	Rattanakiri, Cambodia	Trước hoạt động	18/11/2009	91,17
(37) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	01/11/2011	72,94
(38) Công ty TNHH MTV Kinh doanh xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	05/02/2013	91,17
<b>Khai khoáng</b>				
(39) Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	08/12/2007	99,78
(40) Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/04/2007	83,50
(41) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kontum	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	09/02/2010	99,78
(42) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	15/10/2009	99,78
<b>Sản xuất</b>				
(43) Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	28/09/2009	84,01
(44) Công ty TNHH Một thành viên Nguyên Vật Liệu Gỗ	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	15/03/2010	84,01
<b>Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>				
(45) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/01/2009	69,88
(46) Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	06/07/2007	51,85
(47) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	07/05/2008	99,00
(48) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/01/2009	80,00
(49) Công ty TNHH V&H Corporation	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	27/03/2009	100,00
(50) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	22/12/2009	55,12
(51) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Vientiane, Lào	Trước hoạt động	06/05/2010	100,00

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

### 15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>				
(52) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	27/07/2012	94,50

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động thương mại tại ngày 31 tháng 3 năm 2013.

### 15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
Công ty cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	39,63	195.578.247	39,63	195.578.247
Công ty Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.870.422	25,00	7.870.422
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Đình	Bất động sản	25,00	8.482.218	25,00	8.482.218
<b>Tổng cộng</b>			<b>211.930.887</b>		<b>211.930.887</b>

## 16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	1.455.654.070	1.426.399.155
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") để phát triển các dự án bất động sản	899.857.250	1.199.857.250
Khoản cho vay Chính phủ Lào	186.596.993	186.471.568
Đầu tư vào công ty khác	26.496.903	25.326.903
Các khoản đầu tư khác	3.343.250	4.513.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.571.948.466</b>	<b>2.842.568.126</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ
	Quý I năm 2013
Số đầu kỳ	371.294.803
Tăng trong kỳ	52.099.626
Phân bổ trong kỳ	<u>(51.974.520)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>371.419.909</u></b>

## 18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vay ngân hàng	1.724.001.551	1.449.340.439
Vay các tổ chức và cá nhân khác	<u>319.930.000</u>	<u>32.100.000</u>
	2.043.931.551	1.481.440.439
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm ( <i>Thuyết minh số 25</i> )	<u>1.402.298.617</u>	<u>1.035.971.317</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.446.230.168</u></b>	<b><u>2.517.411.756</u></b>

## 19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	418.398.152	371.502.150
Phải trả nhà thầu xây dựng	180.638.637	223.089.594
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị	15.159.054	64.271.925
Các khoản khác	<u>1.356.639</u>	<u>36.653.181</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>615.552.482</u></b>	<b><u>695.516.850</u></b>

## 20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	1.585.911.677	1.518.357.238
Khách hàng thương mại trả tiền trước	349.914.886	246.113.638
Các khoản khác	<u>17.907.500</u>	<u>1.875.453</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.953.734.063</u></b>	<b><u>1.766.346.329</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	339.412.539	375.700.758
Thuế giá trị gia tăng	132.571.079	157.724.539
Thuế tài nguyên	2.532.249	10.658.085
Thuế thu nhập cá nhân	3.999.890	3.154.846
Các khoản phải nộp khác	3.920.376	10.559.437
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>482.436.133</u></b>	<b><u>557.797.665</u></b>

## 22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Chi phí lãi vay	564.780.039	399.403.027
Tiền sử dụng đất dự án Hoàng Anh Golden House	160.000.000	160.000.000
Chi phí xây dựng căn hộ	24.112.384	53.370.070
Chi phí hoạt động	76.113.285	58.961.410
Chi phí thầu phụ	4.983.472	5.655.844
Chi phí bảo hành	24.090.573	24.090.573
Các khoản khác	18.947.697	22.716.898
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>873.027.450</u></b>	<b><u>724.197.822</u></b>

## 23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Phí bảo trì căn hộ	72.797.530	85.024.791
Phải trả các công ty khác	74.352.596	91.064.822
Phải trả tiền mua đất	42.964.000	42.964.000
Phải trả nhân viên	37.428.800	26.236.036
Các khoản khác	164.796.445	130.674.758
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>392.339.371</u></b>	<b><u>375.964.407</u></b>

## 24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	7.708.740	7.156.661
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	7.521.623	3.235.249
Phải trả dài hạn khác	58.500	58.500
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>15.288.863</u></b>	<b><u>10.450.410</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vay dài hạn ngân hàng	5.419.303.025	4.918.082.340
Trái phiếu thường trong nước	3.930.000.000	3.930.000.000
Trái phiếu kèm chứng quyền ngành cao su	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi	2.230.000.000	2.230.000.000
Trái phiếu thường Quốc tế	1.524.712.945	1.520.711.335
Thuê tài chính	9.223.429	10.351.691
Các khoản vay khác	43.218.832	40.925.437
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>15.156.458.231</u></b>	<b><u>14.650.070.803</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 18)</i>	<i>1.402.298.617</i>	<i>1.035.971.317</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>13.754.159.614</i>	<i>13.614.099.486</i>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 26.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	<i>Ngân VND</i>							
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Phụ trợ hợp nhất</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	(389.966.078)	158.975.136	8.622.737	223.672.692	1.497.302.701	9.753.290.246
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	85.691.339	85.691.339
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	123.419.174	-	-	-	123.419.174
Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	-	(55.500)	(55.500)
<b>Số dư ngày 31 tháng 3 năm 2013</b>	<b>5.373.710.490</b>	<b>2.880.972.568</b>	<b>(389.966.078)</b>	<b>282.394.310</b>	<b>8.622.737</b>	<b>223.672.692</b>	<b>1.582.938.540</b>	<b>9.962.345.259</b>



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

09a-DN/HN

## 26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 26.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	537.371.049	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>537.371.049</i>	<i>537.371.049</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	537.371.049	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>537.371.049</i>	<i>537.371.049</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	537.371.049	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>537.371.049</i>	<i>537.371.049</i>



# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 27. DOANH THU

### 27.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>722.302.363</b>	<b>871.360.171</b>	<b>722.302.363</b>	<b>871.360.171</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	419.318.658	158.330.529	419.318.658	158.330.529
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	45.395.271	67.542.105	45.395.271	67.542.105
<i>Doanh thu khoáng sản</i>	111.078.098	-	111.078.098	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	51.099.593	45.274.570	51.099.593	45.274.570
<i>Doanh thu bán điện</i>	47.026.602	29.812.915	47.026.602	29.812.915
<i>Doanh thu căn hộ</i>	48.384.141	570.400.052	48.384.141	570.400.052
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>(516.905)</b>	<b>(979.244)</b>	<b>(516.905)</b>	<b>(979.244)</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(84.172)	(98.974)	(84.172)	(98.974)
Giảm giá hàng bán	(432.733)	(880.270)	(432.733)	(880.270)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>721.785.458</b>	<b>870.380.927</b>	<b>721.785.458</b>	<b>870.380.927</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	418.885.925	157.450.259	418.885.925	157.450.259
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	45.395.271	67.542.105	45.395.271	67.542.105
<i>Doanh thu khoáng sản</i>	111.078.098	-	111.078.098	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	51.015.421	45.175.596	51.015.421	45.175.596
<i>Doanh thu bán điện</i>	47.026.602	29.812.915	47.026.602	29.812.915
<i>Doanh thu căn hộ</i>	48.384.141	570.400.052	48.384.141	570.400.052

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 27. DOANH THU (tiếp theo)

### 27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I		Ngàn VNĐ	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	31.530.318	65.023.233	31.530.318	65.023.233
Lãi cho vay các công ty khác	31.398.113	24.061.801	31.398.113	24.061.801
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.587	465.013	15.587	465.013
Các khoản khác	4.968	-	4.968	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.948.986</b>	<b>89.550.047</b>	<b>62.948.986</b>	<b>89.550.047</b>

## 28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I		Ngàn VNĐ	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	161.135.407	125.628.352	161.135.407	125.628.352
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	34.877.688	47.002.824	34.877.688	47.002.824
Giá vốn khoáng sản	62.331.276	-	62.331.276	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	60.819.165	41.151.205	60.819.165	41.151.205
Giá vốn cung cấp điện	25.463.516	8.539.868	25.463.516	8.539.868
Giá vốn căn hộ	37.650.368	396.247.018	37.650.368	396.247.018
<b>Tổng cộng</b>	<b>382.277.420</b>	<b>618.569.267</b>	<b>382.277.420</b>	<b>618.569.267</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	126.622.700	121.837.702	126.622.700	121.837.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.733.508	-	2.733.508	-
Chi phí phát hành trái phiếu	19.952.455	-	19.952.455	-
Các khoản khác	10.969.948	18.156.965	10.969.948	18.156.965
<b>Tổng cộng</b>	<b>160.278.611</b>	<b>139.994.667</b>	<b>160.278.611</b>	<b>139.994.667</b>

## 30. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>16.302.303</b>	<b>23.668.027</b>	<b>16.302.303</b>	<b>23.668.027</b>
Tiền thu bán phế liệu	4.849.781	-	4.849.781	-
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	-	13.926.597	-	13.926.597
Các khoản khác	11.452.522	9.741.430	11.452.522	9.741.430
<b>Chi phí khác</b>	<b>(37.455.737)</b>	<b>(44.748.328)</b>	<b>(37.455.737)</b>	<b>(44.748.328)</b>
Tiền phạt	(19.832.443)	-	(19.832.443)	-
Chi phí phế liệu	(5.180.213)	-	(5.180.213)	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(12.443.081)	(13.820.445)	(12.443.081)	(13.820.445)
Các khoản khác	-	(30.927.883)	-	(30.927.883)
<b>Lỗ thuần</b>	<b>(21.153.434)</b>	<b>(21.080.301)</b>	<b>(21.153.434)</b>	<b>(21.080.301)</b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Quý I năm 2013</i>	<i>Quý I năm 2012</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.969.851	62.204.463
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	<u>(36.594.123)</u>	<u>(40.395.809)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>(15.624.272)</u></b>	<b><u>21.808.654</u></b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 31.1 Thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>107.460.426</b>	<b>98.626.285</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế</b>		
<b>Điều chỉnh tăng</b>		
Các khoản lỗ của các công ty con	264.015.961	200.851.081
Chi phí phải trả	-	64.005.406
Lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	-	37.447.996
Giá vốn và chi phí khác ngành điện được miễn thuế	60.747.275	26.347.504
Giá vốn mía đường được miễn tính thuế	136.585.436	-
Chi phí không liên quan đến hoạt động kinh doanh	3.394.857	-
Chi phí đất phân bổ trên báo cáo hợp nhất	-	14.039.563
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	278.061	10.677.901
Chi phí khác	44.027	18.513.274
<b>Điều chỉnh giảm</b>		
Điều chỉnh hợp nhất	(141.438.730)	(122.772.319)
Chi phí trích trước kỳ trước đã trả kỳ này	-	(62.659.400)
Doanh thu bán điện được miễn thuế	(47.026.602)	(29.812.915)
Doanh thu mía đường được miễn tính thuế	(330.720.000)	-
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	(1.318.891)	-
Các khoản khác	(295.265)	(6.446.531)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước khi chuyển lỗ</b>	<b>51.726.555</b>	<b>248.817.845</b>
Lỗ tính thuế mang sang	-	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>51.726.555</b>	<b>248.817.845</b>
<b>Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%</b>	<b>12.931.639</b>	<b>62.204.463</b>
Trích bổ sung thuế TNDN các kỳ trước	8.038.212	-
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>20.969.851</b>	<b>62.204.463</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	375.700.758	-
Bổ sung do tính thiếu	1.259.104	-
Điều chỉnh 2% thuế TNDN tính trên tiền thu từ việc bán căn hộ	405.259	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(36.243.000)	-
Bù trừ với thuế giá trị gia tăng	(22.679.433)	-
<b>Thuế TNDN cuối kỳ</b>	<b>339.412.539</b>	<b>62.204.463</b>

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 31.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Ghi nợ (có) trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	
	<i>Ngàn VNĐ</i>		
<b><i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i></b>			
Các khoản lỗ tính thuế	192.065.404	139.262.125	(52.803.279)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	44.648.523	44.648.523	-
Chi phí trích trước	-	16.209.156	16.209.156
	<b>236.713.927</b>	<b>200.119.804</b>	
<b><i>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</i></b>			
Lợi thế thương mại âm hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	61.439.435	61.439.435	-
Thu nhập từ việc chuyển nhượng một phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	50.456.357	50.456.357	-
Các khoản khác	490.991	490.991	-
	<b>112.386.783</b>	<b>112.386.783</b>	
<b><i>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại trong kết quả hoạt động kinh doanh</i></b>			<b>(36.594.123)</b>

## 32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	110.506
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	12.937.879

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý I năm 2013

B09a-DN/HN

## 32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2013 như sau:

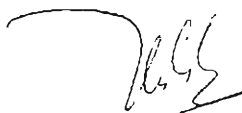
			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<b><i>Phải thu khách hàng</i></b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Bán hàng hoá và thầu phụ	127.845.359
Công ty TNHH TM & DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Bán hàng hoá và thầu phụ	27.272.315
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Á Đông	Công ty liên kết	Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	2.083.693
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Công ty liên kết	Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	293.183
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>157.494.550</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán</i></b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước tiền xây dựng	996.904.419
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	16.293.500
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>1.013.197.919</u></b>
<b><i>Các khoản phải thu khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay mượn	311.690.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Công ty liên kết	Cho vay mượn	2.500.000
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>314.190.000</u></b>
<b><i>Phải trả người bán</i></b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Xây dựng	137.460.576
Công ty TNHH TM & DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Xây dựng	3.558.536
<b>Tổng cộng</b>			<b><u>141.019.112</u></b>
<b><i>Người mua trả tiền trước</i></b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Nhận trước tiền hàng hoá	5.521.645

**33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 5 năm 2013